

学校別得点表 男子

学校名	No.	1		2		3		4		チーム勝数		個人勝数		総個人突数		総個人被突数		順位
										チーム試合数		個人試合数		総個人被突数		個人試合数		
		V・E	M・E	V・I	M・I	V・E	M・E	V・I	M・I	V・E	M・E	V・I	M・I	TD・I	TR・I	TD・I	TR・I	
海 星 高等学校	1			V・E:	1	V・E:	0	V・E:	0	V・E:	1	V・I:		TD・I:	75	TR・I:	108	3
				V・I:		V・I:		V・I:		M・E:	3	M・I:		TR・I:	108	M・I:		
				TD・I:	45	TD・I:	12	TD・I:	18	IND:	0.33	IND:		IND:	0.69	IND:		
静岡県立沼津東 高等学校	2	V・E:	0			V・E:	0	V・E:	0	V・E:	0	V・I:		TD・I:	44	TR・I:	135	4
		V・I:				V・I:		V・I:		M・E:	3	M・I:		TR・I:	135	M・I:		
		TD・I:	18			TD・I:	12	TD・I:	14	IND:	0.00	IND:		IND:	0.33	IND:		
岐阜県立大垣南 高等学校	3	V・E:	1	V・E:	1			V・E:	1	V・E:	3	V・I:		TD・I:	135	TR・I:	47	1
		V・I:		V・I:				V・I:		M・E:	3	M・I:		TR・I:	47	M・I:		
		TD・I:	45	TD・I:	45			TD・I:	45	IND:	1.00	IND:		IND:	2.87	IND:		
愛知工業大学名電 高等学校	4	V・E:	1	V・E:	1	V・E:	0			V・E:	2	V・I:		TD・I:	113	TR・I:	77	2
		V・I:		V・I:		V・I:				M・E:	3	M・I:		TR・I:	77	M・I:		
		TD・I:	45	TD・I:	45	TD・I:	23			IND:	0.67	IND:		IND:	1.47	IND:		

V・E:チーム勝数 M・E:チーム試合数 V・I:個人勝数 M・I:個人試合数 TD・I:個人突数 TR・I:総個人被突数 M・I:個人試合数

